

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/DS-ST
Ngày 25 - 4 - 2025
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/202025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1959, nơi cư trú: quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thu H, Luật sư Công ty Luật A. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1989, nơi cư trú: thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Do có mối quan hệ quen biết, họ hàng nên ngày 25-7-2022, ông N có cho ông Trần Hữu T vay số tiền 500.000.000 đồng ông T có viết giấy vay tiền. Ông N chuyển vào tài khoản của anh Nguyễn Hữu T 300.000.000 đồng và đưa tiền mặt cho anh T 200.000.000 đồng. Hai bên thoả thuận khi nào ông N cần tiền thì thông báo anh T sẽ trả. Nhiều lần ông N đòi tiền nhưng anh T không trả. Ngày 05-02-2024, anh T có

viết lại giấy vay tiền có nội dung nhận lại số nợ như trên và hẹn đến tháng 6-2024 thì trả số tiền trên. Tháng 8 năm 2024, anh T đã trả cho ông N 02 lần tổng số tiền là 130.000.000 đồng (bằng hình thức chuyển khoản) sau đó đến nay không trả nữa. Nay ông N khởi kiện buộc ông Trần Hữu T phải trả cho ông Đỗ Văn N số tiền là 370.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong theo lãi suất Ngân hàng cho vay. T bộ số tiền trên là tiền riêng của ông N cho một mình anh T vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Hà nhưng anh Hà không cung cấp lời khai, không lên Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Việc vay nợ giữa 2 bên là tự nguyện và hợp pháp. Đến hạn trả nợ, anh T không trả nợ cho ông N nên ông N khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ là có căn cứ chấp nhận. Về yêu cầu tính lãi: Trong giấy vay nợ hai bên không có thỏa thuận tính lãi, theo quy định tại điều 466 và 468 Bộ luật Dân sự, nguyên đơn được quyền yêu cầu tính lãi từ khi đến hạn trả nợ nhưng bị đơn không trả. Ông N yêu cầu tính lãi đối với số tiền 370.000.000 đồng từ tháng 9 năm 2024 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, các điều 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116,117,118,119, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 12; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn kiện đòi tiền theo giấy vay tiền nên xác định là hợp đồng vay tài sản giữa cá nhân và cá nhân, bị đơn hiện đang cư trú tại huyện Thủy Nguyên nên được xác định là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc: Giấy vay tiền ngày 25-7-2022 có nội dung “Tôi là Trần Hữu T, sinh ngày 05-8-1989, địa chỉ: Thôn Phố, xã Quảng Thanh, Thủy Nguyên, số cccd 031089003193. Cháu có vay của bác Đỗ Văn N, sn

1959 cccd..., số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu đồng) từ ngày 25-7-2022”. Giấy vay tiền ngày 05-02-2024 có nội dung “Tôi là Trần Hữu T, sinh ngày 05-8-1989, địa chỉ: thôn Phố, xã Quảng Thanh, Thủy Nguyên, số cccd 031089003193. Cháu có vay của bác Đỗ Văn N, sn 1959 cccd..., số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu đồng) từ ngày 25-7-2022. Hẹn sang năm đến tháng 6 năm 2024 tôi sẽ trả hết gốc”. Các giấy vay tiền đề có chữ ký của anh T. Theo bảng sao kê chi tiết của Ngân hàng thể hiện ngày 25-7-2022 ông Đỗ Văn N chuyển vào số tài khoản 6868611111111 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội mang tên Trần Hữu T số tiền 300.000.000 đồng. Tháng 2 và tháng 9 năm 2024, anh T trả cho ông N tổng số tiền 130.000.000 đồng, số tiền còn lại là 370.000.000 đồng chưa trả, ông N khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền trên là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền 370.000.000 đồng theo lãi suất Ngân hàng từ tháng 8 năm 2024 cho giải quyết xong vụ án. Theo giấy biên nhận tiền thì hai bên không có thỏa thuận tiền lãi. Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền tính lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468...*”. Khoản 2 Điều 468 quy định “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...*”. Khoản 2 Điều 468 quy định “*....lãi suất xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn tại khoản 1 điều này tại thời điểm trả nợ*”. Theo giấy biên nhận ngày 05-2-2024 các bên thống nhất tháng 6 năm 2024 anh T sẽ trả tiền cho ông N nhưng không trả. Như vậy, bên cho vay được quyền tính lãi đối từ ngày 01-7-2014 và được tính là 10%/năm của số tiền nhận nợ. Ông N yêu cầu tính lãi từ 01-10-2024 đối với số tiền 370.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận và được tính như sau: $370.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}/12 \text{ tháng} \times 6 \text{ tháng} = 18.500.000 \text{ đồng}$.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, các điều 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 118, 119, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 12; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Trần Hữu T phải trả cho ông Đỗ Văn N số tiền nợ gốc là 370.000.000 đồng và tiền lãi là 18.500.000 đồng. Tổng cộng là 388.500.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho đến khi thi hành án xong, bên

phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Hữu T phải chịu án phí sơ thẩm là 19.425.000 đồng

4. Về quyền kháng cáo: Ông Đỗ Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Hữu T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS tp. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai